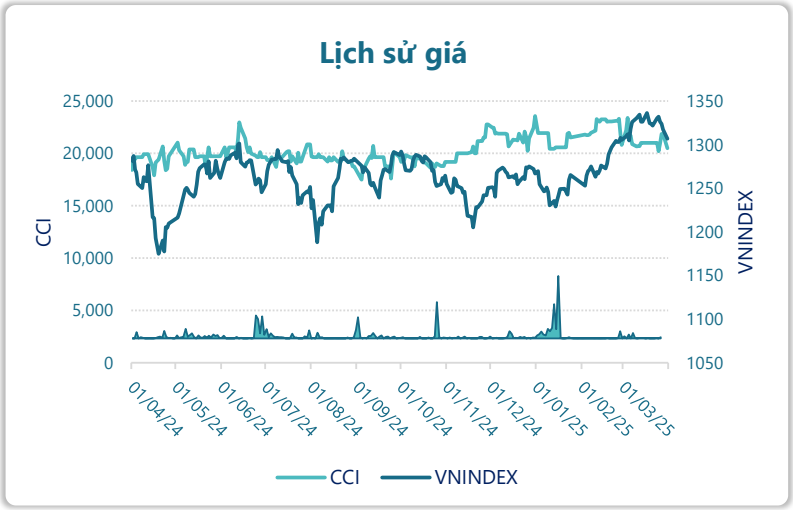
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi (HSX: CCI)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,568
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,489
SL cổ phiếu LH	17,541,105
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,820
% sở hữu nước ngoài	2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	360
P/E	9.9
EPS	2,080

DT thuần

Q1/25

92.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -8.9%

YoY: ▼13.0| -12.3%

LN sau thuế

Q1/25

15.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.3| 1232%

YoY: ▲ 3.70| 31.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

9.7%

+/- YoY: ▲ 2.3%

DT thuần

2024

424

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.00| -0.3%

LN sau thuế

2024

32.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.60| 30.5%

ROE

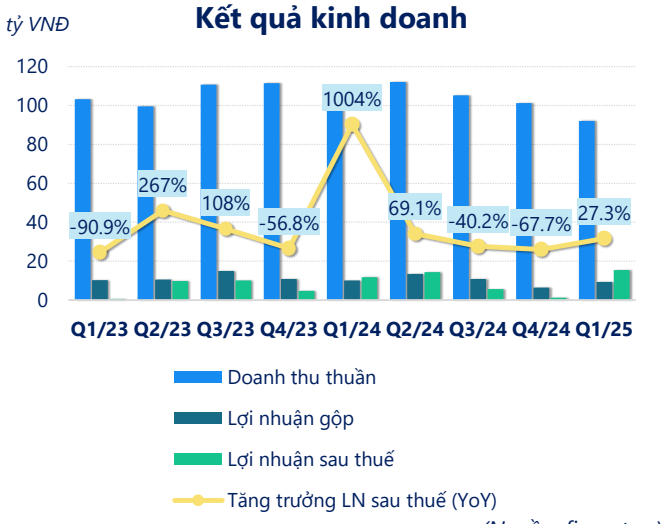
2024

12.2%

+/- YoY: ▲ 2.7%

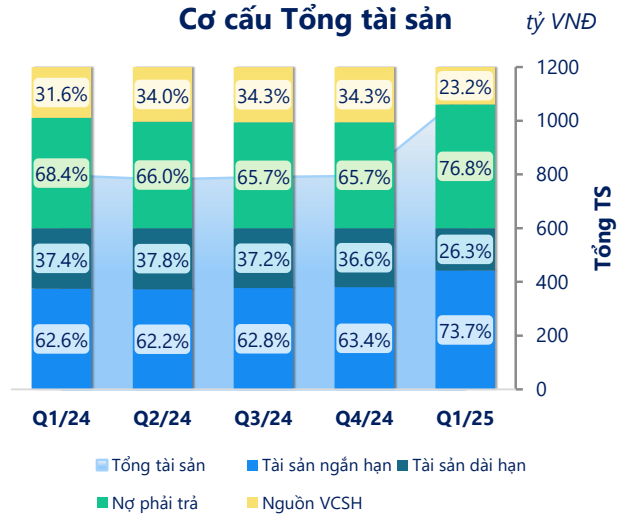
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



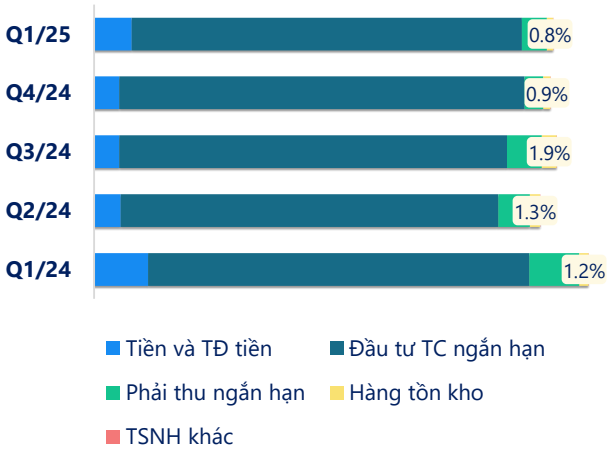
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



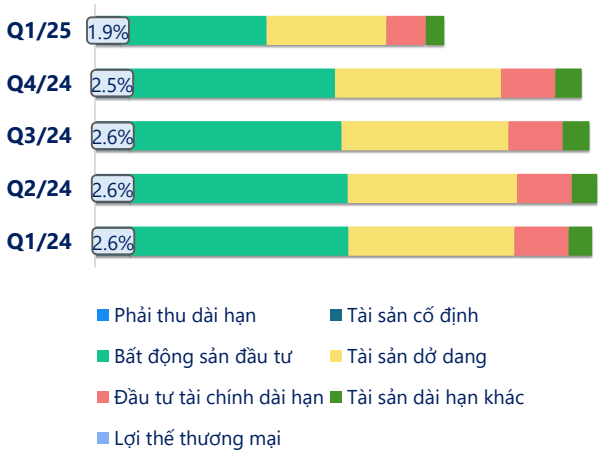
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



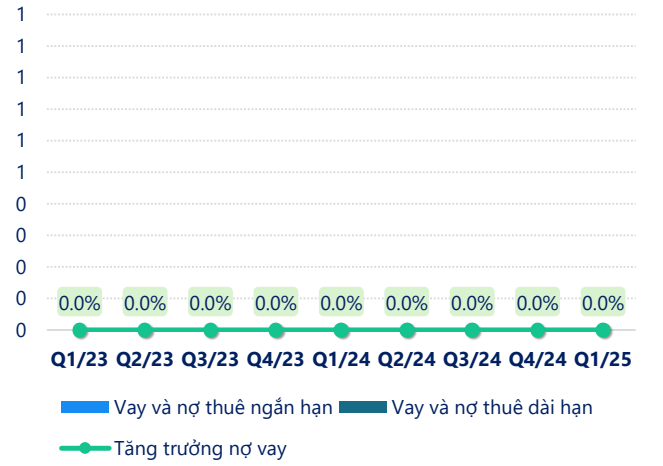
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



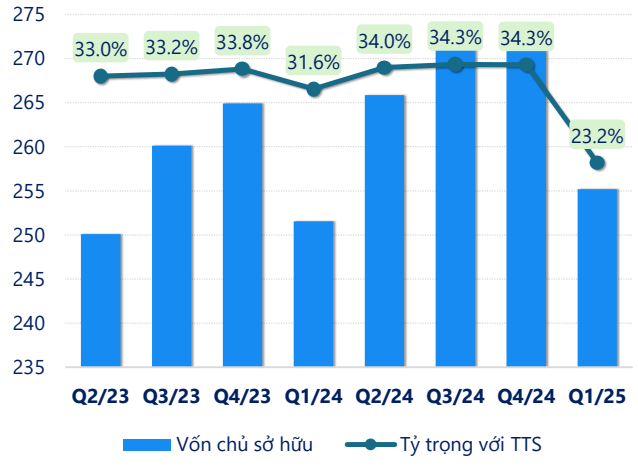
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



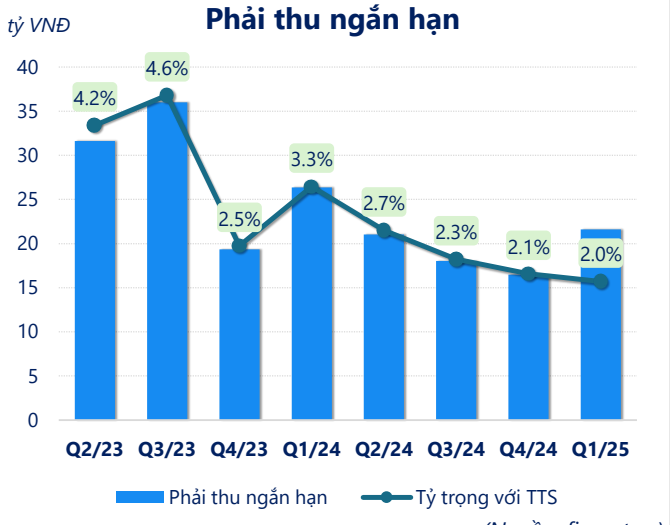
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



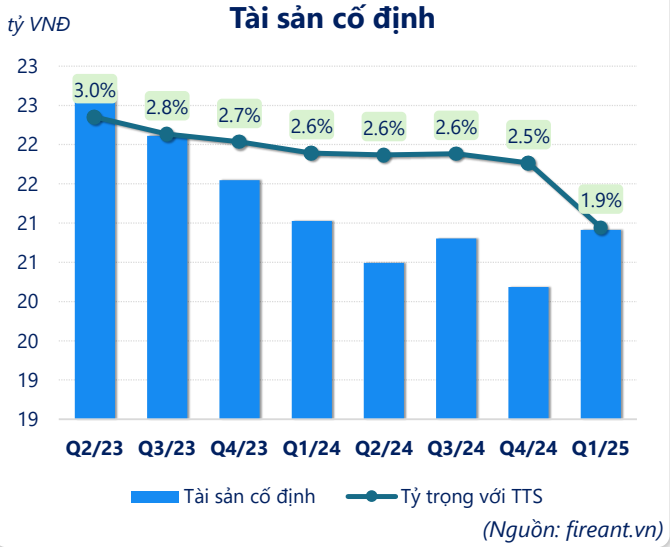
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



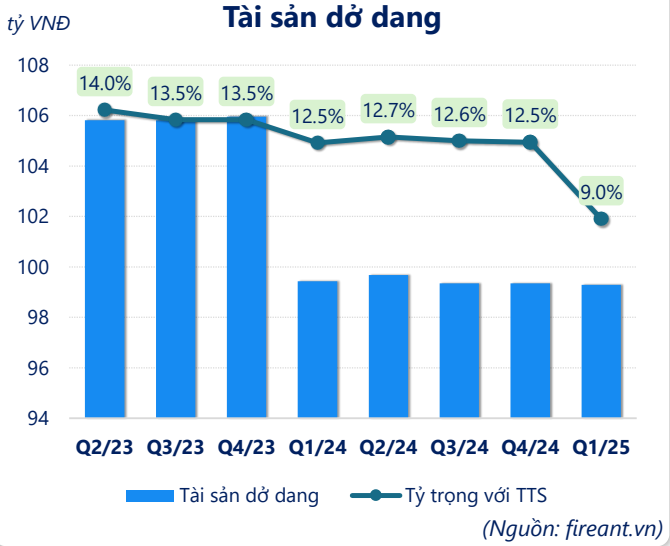
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



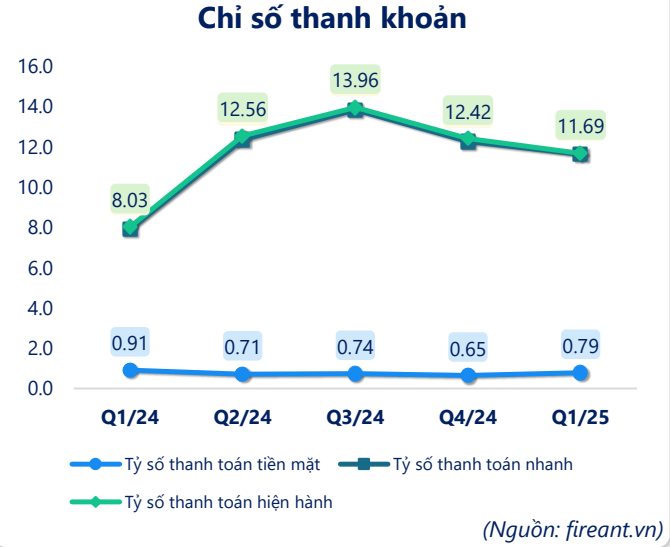
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



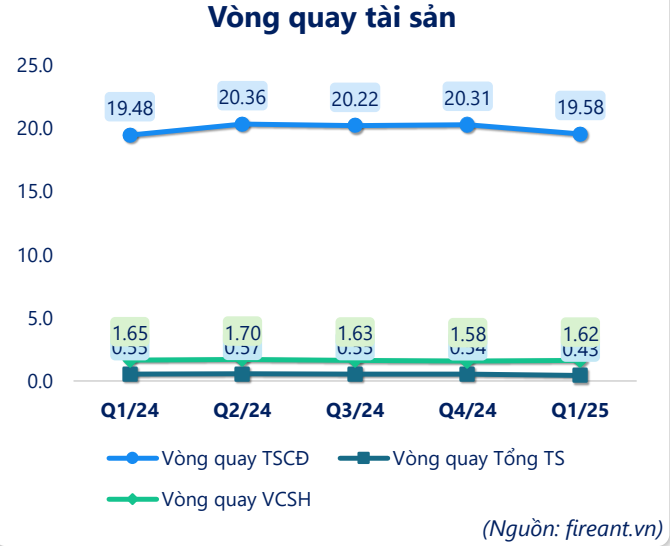
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**797**	**782**	**790**	**795**	**1,100**
Tài sản ngắn hạn	**499**	**487**	**496**	**504**	**811**
Tiền và tương đương tiền	56.6	27.5	26.3	26.3	54.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	409	430	448	455	731
Phải thu ngắn hạn	26.4	21.0	18.0	16.5	21.6
Hàng tồn kho	6.60	7.63	4.25	6.18	3.87
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.15	0.12	0.08	0.05
Tài sản dài hạn	**298**	**295**	**294**	**291**	**289**
Phải thu dài hạn	0.48	0.23	0.19	0.19	0.31
Tài sản cố định	21.0	20.5	20.8	20.2	20.9
Bất động sản đầu tư	130	128	126	123	121
Tài sản dở dang	99.4	99.7	99.3	99.4	99.3
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	32.2	32.2	32.5	32.5
Tài sản dài hạn khác	14.2	14.8	16.0	15.7	15.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**545**	**516**	**519**	**522**	**845**
Nợ ngắn hạn	**62.1**	**38.8**	**35.5**	**40.6**	**69.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.96	1.80	1.67	4.42	1.42
Nợ dài hạn	483	478	483	482	776
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**252**	**266**	**271**	**273**	**255**
Vốn chủ sở hữu	**252**	**266**	**271**	**273**	**255**
Vốn điều lệ	177	177	177	177	177
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)